TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:51/2019/DS - ST
Ngày: 27/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Minh Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Xuân Phi**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST - DS ngày 01/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐST –DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP P.** Trụ sở: Số 45 đường L, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị B, chức vụ Giám đốc trung tâm kinh doanh (Văn bản ủy quyền số: 48/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 02.11.2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Bà Lê Thị B ủy quyền lại cho ông Đinh Văn Q, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ theo giấy ủy quyền số 53/GUQ-OCB.19 ngày 10.8.2019. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Thanh N**, sinh năm 1955 và ông **Nguyễn Kim T**, sinh năm: 1961. Cùng địa chỉ: K650/42 đường T, phường X, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19/8/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Đinh Văn Q trình bày:

Ngày 20.3.2014, vợ chồng bà Lê Thị Thanh N, ông Nguyễn Kim T có vay Ngân hàng TMCP P - chi nhánh Trung Việt, Phòng giao dịch Hải Châu số tiền 50.000.000 theo Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014, lãi suất 8,9%/năm , thời hạn vay 60 tháng, mục tiêu vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Ngày 04.11.2014, Ngân hàng và ông T và bà N tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN vay tiếp số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 6,9%/năm , thời hạn vay 60 tháng, mục tiêu vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Theo hai hợp đồng đã ký kết thì ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N đã nhận theo từng khế ước nhận nợ 0151.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 21.3.2014 và Khế ước nhận nợ 0570.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 05.11.2014.

Trong quá trình vay vốn, ông T và bà N đã vi phạm trả gốc và lãi, nên Ngân hàng chúng tôi yêu cầu khởi kiện: buộc bà Lê Thị Thanh Nvà ông Nguyễn Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền 115.553.931 đ (tạm tính đến 08.10.2019), trong đó nợ gốc 69.838.000đ, nợ lãi 45.715.931đ và lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HĐTD-CN ngày 20.3.2014 được ký kết giữa 2 bên.

Tuy nhiên, đến ngày 04/11/2019 ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N đã chủ động tất toán dứt điểm khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014 nêu trên tại Ngân hàng. Hiện nay ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N chỉ còn dư nợ một khoản nợ vay tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014. Cụ thể, tạm tính đến ngày 06/11/2019, dư nợ của ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N tại Ngân hàng là 46.732.303đ (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn ba trăm lẻ ba đồng*). Trong đó, nợ gốc: 30.818.000đ, nợ lãi: 15.914.303đ.

Trong trường hợp ông bà không thanh toán nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất tại địa chỉ: K650/42 đường T, phường X, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BR 539696 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 24.01.2014 đứng tên bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Kim T để thu hồi nợ.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải các ngày 09/10/2019 và 24/10/2019 bị đơn ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N trình bày :

Ngày 20.3.2014, vợ chông tôi có vay Ngân hàng TMCP P - chi nhánh Trung Việt, Phòng giao dịch Hải Châu số tiền 50.000.000 theo Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD - CN ngày 20.3.2014, lãi suất 8,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục tiêu vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Ngày 04.11.2014, Ngân hàng và vợ chồng tôi tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN vay tiếp số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 6,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục tiêu vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Theo hai hợp đồng đã ký kết thì vợ chồng tôi đã nhận theo từng khế ước nhận nợ 0151.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 21.3.2014 và Khế ước nhận nợ 0570.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 05.11.2014.

Do hoàn cảnh khó khăn nên chúng tôi đã không thanh toán cho Ngân hàng trong thời gian qua. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chông tôi phải trả số tiền 115.553.931đ (tạm tính đến 08.10.2019), trong đó nợ gốc 69.838.000đ, nợ lãi 45.715.931đ.

Vợ chồng chúng tôi xin trả số tiền gốc và lãi vào ngày 20.11.2019, tiền gốc và lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 09.10.2019 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014.

Trong trường hợp chúng tôi không thanh toán, thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất tại địa chỉ: K650/42 đường T, phường X, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BR 539696 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 24.01.2014 đứng tên vợ chồng tôi để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX xử: buộc ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền là 46.732.303đ (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn ba trăm lẻ ba đồng*). Trong đó, nợ gốc: 30.818.000đ, nợ lãi: 15.914.303đ và lãi phát sinh theo hợp 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014. Trường hợp ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N

không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*Về nội dung vụ án:

Ngày 20.3.2014, Ngân hàng TMCP P và vợ chồng bà Lê Thị Thanh N, ông Nguyễn Kim T có kí kết hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng TMCP P - chi nhánh Trung Việt, Phòng giao dịch Hải Châu số tiền 50.000.000 - theo Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014, lãi suất 8,9%/năm , thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Ngày 04.11.2014, Ngân hàng và ông T và bà N tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN vay tiếp số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 6,9%/năm , thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, trả nợ vào ngày 20 hàng tháng.

Theo hai hợp đồng đã ký kết thì ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N đã nhận theo từng khế ước nhận nợ 0151.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 21.3.2014 và Khế ước nhận nợ 0570.01/2014-OCB/KƯNN-CN ngày 05.11.2014.

Trong quá trình vay vốn, ông T và bà N đã vi phạm trả gốc và lãi, nên Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Kim Tphải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền 115.553.931 đ (tạm tính đến 08.10.2019), trong đó nợ gốc 69.838.000đ, nợ lãi 45.715.931đ và lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HĐTD-CN ngày 20.3.2014 được ký kết giữa 2 bên.

Tuy nhiên, đến ngày 04/11/2019 ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N đã chủ động tất toán dứt điểm khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014 nêu trên tại Ngân hàng. Hiện nay ông

Nguyễn Kim Tvà bà Lê Thị Thanh N chỉ còn dư nợ một khoản nợ vay tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014. Cụ thể, tạm tính đến ngày 26/11/2019, dư nợ của ông Nguyễn Kim Thành và bà Lê Thị Thanh Nga tại Ngân hàng là 47.094.094đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn ngàn không trăm chín mươi bốn đồng*). Trong đó, nợ gốc: 30.818.000đ, nợ lãi: 16.276.094đ.

[2] Xét yêu cầu của TMCP P thì thấy:

Hợp đồng tín dụng số 0151/2014/HDTD – CN ngày 20.3.2014 và hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN có nội dung phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N đã vi phạm thời gian trả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại các phiên hòa giải, ông T và bà N xác nhận nợ và thời gian trả nợ, nhưng không đồng ý về án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông T và bà N thanh toán tổng số tiền nợ là 47.094.094đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn ngàn không trăm chín mươi bốn đồng*). Trong đó, nợ gốc: 30.818.000đ, nợ lãi: 16.276.094đ (tạm tính đến ngày 26/11/2019) theo hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N phải tiếp tục tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/11/2019 đối với khoản tiền gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

[2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp thì thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp bằng tài sản để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Nguyễn Kim T, bà Lê Thị Thanh N và Ngân hàng TMCP P tại hợp đồng thế chấp số 0151/2014/BĐ ngày 20/3/2014 thì tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 108; tờ bản đồ số: 16; địa chỉ: K650/42 đường T, phường X, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 539696 do Sở tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 24/01/2014 cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019 thể hiện: Về nhà và đất không có sự thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu (Đã nộp và chi xong) nên HĐXX không đề cập.

Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cầm pháp luật; Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện nên tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 355 BLDS 2005 khi ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sỡ hữu tài sản trên cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N theo quy định tại Điều 322 BLDS 2015.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: 47.094.094đ x 5% = 2.355.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 30, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N

Tuyên xử:

1. Buộc cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền là 47.094.094đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn ngàn không trăm chín mươi bốn đồng*). Trong đó, nợ gốc: 30.818.000đ, nợ lãi: 16.276.094đ (lãi tạm tính đến ngày 26/11/2019).

Ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2019 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0570/2014/HĐTD-CN ngày 04/11/2014 đến khi thanh toán xong.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh Nkhông thanh toán nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 108; tờ bản đồ số: 16; địa chỉ: K650/42 đường T, phường X, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 539696 do Sở tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 24/01/2014 cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần P phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sỡ hữu tài sản trên cho ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.355.000đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị Thanh N phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 2.825.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005102 ngày 05/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Minh Cúc